

KINH TẾ VIỆT NAM 2013 – 2014
NHÌN NHẬN TRÊN BÌNH DIỆN CÁC MỤC TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ
THE ECONOMY OF VIETNAM IN 2013 - 2014
FROM THE VIEWPOINT OF MACROECONOMIC TARGETS

Nguyễn Văn Luân

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG – HCM - luannv@uel.edu.vn

(Bài nhận ngày 15 tháng 3 năm 2014, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 04 tháng 4 năm 2014)

TÓM TẮT

Tăng trưởng kinh tế là tiền đề để thực hiện các nhiệm vụ về xã hội, môi sinh, môi trường và an sinh xã hội. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2013 đã đạt được kết quả tương đối khả quan 5,42%, chất lượng tăng trưởng năm 2013 được cải thiện. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế đã góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, tiếp tục tạo ra được thặng dư trong cán cân thanh toán quốc tế.

Năm 2013 chỉ số CPI tăng thấp hơn so với các năm trước. Như vậy, việc kiềm chế lạm phát năm 2013 là một thành công. Năm 2012, 2013 cán cân thương mại đảo chiều bằng xuất siêu đạt 750 triệu USD năm 2012, 860 triệu USD năm 2013. Số lao động đang làm việc năm 2013 tăng so với năm 2012 (tăng 1,35%).

Mục tiêu kinh tế năm 2014 là phải giữ vững sự ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát. Tăng trưởng kinh tế theo mục tiêu năm 2014 là 5,8%, kiểm soát lạm phát ở mức dưới 7%, tạo việc làm cho khoảng 1,6 triệu người lao động, tăng trưởng xuất khẩu theo định hướng cân bằng giữa xuất khẩu và nhập khẩu một cách ổn định và vững chắc.

Để thực hiện mục tiêu kinh tế năm 2014, cần phải có động lực mới và những đột phá có tính quyết liệt. Động lực mới và đột phá có tính quyết liệt là cải cách thể chế, đổi mới tư duy. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, với trọng tâm là đầu tư công, hệ thống ngân hàng và doanh nghiệp nhà nước để chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu dựa trên năng suất của các nhân tố tổng hợp, đảm bảo sự phát triển bền vững cho nền kinh tế.

Từ khóa: Kinh tế, bình diện, mục tiêu kinh tế vĩ mô.

ABSTRACT

Economic growth is the premise to implement social, environmental, ecological and welfare duties. Vietnam's economic growth in 2013 is pretty optimistic with 5.42%, the growth quality has also been improved. This growth has contributed to the stabilization of macroeconomy, inflation control and trade surplus. The 2013' CPI increased less than those of previous years which indicates the inflation control in 2013 is a success. The trade balance has reversed with a trade surplus of 750 and 860 million USD in 2012 and 2013 respectively. The number of employed people in 2013 also increased compared to in 2012 (increased by 1.35%)

The 2014's economic target is to keep the macroeconomic stability and control inflation. The economic targets in 2014 are: economic growth is 5.8%; inflation is controlled below 6%; employment

for about 1.6 million of workers is created and export growth to the direction of balance of export and import in the manner of stability and sustainability.

In order to achieve 2014's economic targets, it is necessary to have a new driving force and significant breakthrough, which are regime reform and renovation in the way of thinking. Continue to boost the economic reform with focuses on public investment, banking system and state-owned enterprises to switch from broad economic development to in-depth economic development through capacity of synchronized factors, ensuring the stable development for the economy.

Keywords: *economy, viewpoint, macroeconomic targets*

1. Giới thiệu

Để đánh giá sự thành công của một nền kinh tế, cần phải xem xét những lĩnh vực đóng vai trò trung tâm cho thành tựu kinh tế vĩ mô. Tăng trưởng kinh tế là một trong bốn mục tiêu của kinh tế vĩ mô (tăng trưởng, việc làm, lạm phát và cán cân thương mại). Tăng trưởng kinh tế năm 2013 của Việt Nam đã đạt được mục tiêu tổng quát trên cả 3 nhóm ngành, tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Lạm phát đã được kiềm chế, việc làm tăng lên, cán cân thương mại tiếp tục thặng dư. Thế nhưng, kinh tế Việt Nam vẫn đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước trong khu vực và thế giới.

Mục tiêu năm 2014 vừa phải tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, tạo việc làm cho người lao động, vừa phải tạo ra được sự tăng trưởng cao hơn năm 2013, vừa phải cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Chính vì vậy, cần phải tạo ra động lực mới cho nền kinh tế. Xung lực mới bắt nguồn từ đổi mới tư duy, cải cách thể chế kinh tế, cơ cấu lại nền kinh tế theo nhóm ngành, cơ cấu lao động và cơ cấu vốn đầu tư, cơ cấu xuất khẩu, cơ cấu ngân sách, cơ cấu nội/ngoại.

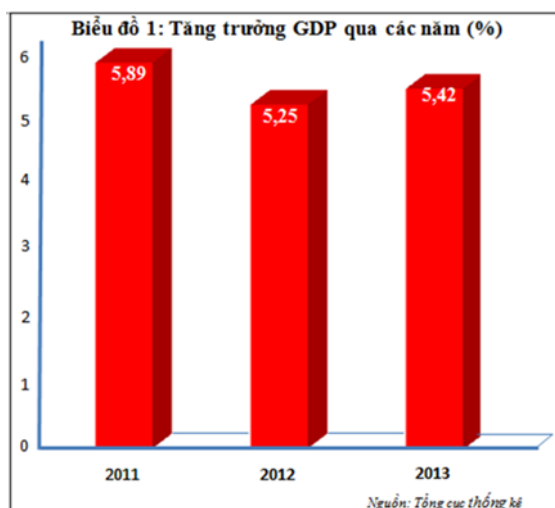
Quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng

trưởng theo chiều sâu và cấu trúc lại nền kinh tế chỉ có thể thực hiện khi giữ được sự ổn định kinh tế vĩ mô, đi đôi với việc cải cách một cách triệt để hệ thống tài chính – ngân hàng, doanh nghiệp nhà nước, chính sách thương mại, khu vực kinh tế tư nhân, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, hiệu quả phân bổ nguồn lực của nền kinh tế. Đây là cơ sở nền tảng cho sự tăng trưởng mới và cấu trúc lại nền kinh tế theo hướng cạnh tranh cao và phát triển bền vững trong dài hạn.

2. Đánh giá tổng quan các mục tiêu Kinh tế vĩ mô năm 2013

Tăng trưởng kinh tế là một trong bốn mục tiêu của kinh tế vĩ mô. Đối với Việt Nam, mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao là để nhanh chóng chuyển từ một nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn theo hướng công nghiệp hiện đại, tránh nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước. Tăng trưởng kinh tế còn là tiền đề để thực hiện các nhiệm vụ về xã hội, môi sinh – môi trường, và an ninh quốc phòng.

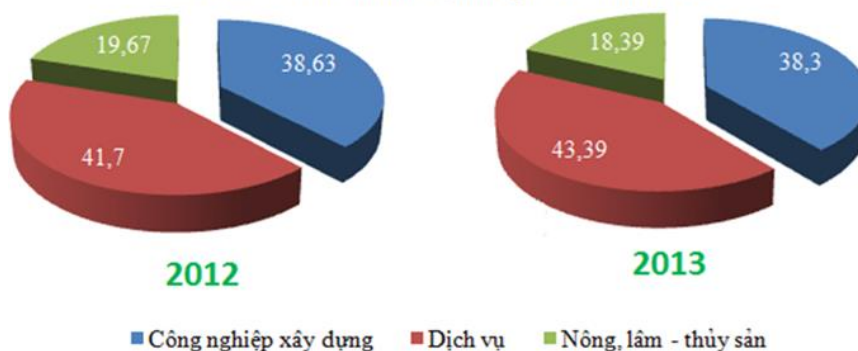
Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2013 cũng đã đạt được kết quả tương đối khả quan trong bối cảnh tình hình suy giảm kinh tế toàn cầu. Nhận diện trạng thái tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2013 thể hiện qua biểu đồ 1:



Biểu đồ 1 cho thấy tốc độ tăng GDP năm 2013 đã có xu hướng tăng lên, đã cao hơn tốc độ tăng GDP của năm 2012; thế nhưng không đạt được chỉ tiêu kế hoạch (5,5%) đề ra. Tăng trưởng đạt được ở cả ba ngành của nền kinh tế: i). Ngành: Nông, Lâm – Thủy sản tăng 2,67%; ii). Ngành: Công nghiệp và Xây dựng tăng 7,44%; iii).

Ngành: Dịch vụ tăng 6,56%. Do tăng trưởng các nhóm ngành có sự khác nhau nên cơ cấu GDP theo nhóm ngành kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng của nhóm ngành Nông, lâm – thủy sản tiếp tục giảm. Tỷ trọng của 2 nhóm ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ tăng lên.

Cơ cấu GDP theo nhóm ngành qua các năm (%)



(Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2014)

Tốc độ tăng trưởng năm 2013 cao hơn năm 2012, mức giá thấp hơn (6,6%) và tốc độ tăng dân số chậm hơn (1,05%), GDP bình quân đầu người tính theo USD theo tỷ giá hối đoái thực tế tăng lên, đạt 1.899 USD.⁽¹⁾

Chất lượng tăng trưởng năm 2013 được cải thiện. Tỷ lệ vốn đầu tư/GDP năm 2013 thấp hơn

năm 2012 (30,4% so với 31,1%) nên hệ số ICOR thấp hơn. Tốc độ năng suất của các yếu tố tổng hợp (TFP) của năm 2013 đã cao hơn năm 2012 (tương ứng là 4% so với 3,5%).

Mục tiêu tăng trưởng kinh tế đã góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, tiếp tục

tạo ra được thặng dư trong cán cân thanh toán quốc tế.

Những kết quả đạt được về tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2013 có tính tích cực. Thế nhưng, tăng trưởng kinh tế năm 2013 còn có những hạn chế, bất cập. Rõ nét nhất là tốc độ tăng trưởng năm 2013 so với năm 2012 là không đáng kể (chỉ tăng 0,17%), tăng trưởng kinh tế vẫn chưa thoát khỏi tình trạng trì trệ. Chất lượng tăng trưởng tuy có được cải thiện nhưng mới chỉ là bước đầu, chủ yếu do chuyển dịch cơ cấu đầu tư, cơ cấu lao động giữa các nhóm ngành, yếu tố khoa học và công nghệ đóng góp còn ít. Năng suất lao động tính theo sản lượng trên đầu công nhân hiệu dụng còn thấp xa so với nhiều nước. Hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế vẫn chưa được cải thiện, còn thấp.

Mục tiêu bảo đảm việc làm cho người lao động có mối quan hệ trực tiếp tới tăng trưởng kinh tế

và phát triển xã hội. Tăng trưởng kinh tế tạo tiền đề vật chất để phát triển xã hội. Tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua bị chậm lại, có một phần quan trọng do tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm gia tăng.

Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 2013 chỉ tạo được khoảng 1.455 nghìn việc làm, đạt 96,04% kế hoạch. Xuất khẩu lao động trên 88.000 người, đạt 103,7% kế hoạch. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi năm 2013 là 2,2%, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 2,77%. Nhìn chung, tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng tăng lên do sản xuất vẫn gặp nhiều khó khăn làm ảnh hưởng tới việc làm của người lao động.

Lực lượng lao động nước ta khá dồi dào, chiếm tỷ lệ cao trong độ tuổi lao động. Việt Nam đã bước vào thời kỳ có cơ cấu “dân số vàng”, các chỉ tiêu chủ yếu về lao động được thể hiện như sau:

Bảng 1. Các chỉ tiêu chủ yếu về lao động

Tên chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013
1. Số lao động đang làm việc 1/7 (nghìn người)	49.048,5	50.352	51.699	52.402
2. Cơ cấu lao động đang làm việc (%)				
+ Theo nhóm ngành:				
- Nông, lâm - thủy sản	49,5	48,4	47,4	46,9
- Công nghiệp – Xây dựng	21,0	21,3	21,2	21,1
- Dịch vụ	30,5	30,3	31,4	32,0
+ Theo loại hình kinh tế:				
- Nhà nước	10,4	10,4	10,4	10,4
- Ngoài nhà nước	86,1	86,2	86,3	86,3
- Khu vực có vốn ĐTNN	3,5	3,4	3,3	3,3
3. Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,88	2,22	1,96	2,2
4. Tỷ lệ thiếu việc làm (%)	3,57	2,96	2,74	2,77
5. Năng xuất lao động thực tế (triệu đồng người):	44,0	55,2	62,8	68,4
- Nông, Lâm - Thủy sản	16,8	22,9	26,1	26,8

- Công nghiệp – Xây dựng	78,9	98,3	114,4	124,2
- Dịch vụ	56,9	76,5	83,3	92,6
6. Tốc độ tăng năng suất lao động giá so sánh (%)	3,6	3,5	2,5	4,0

Nguồn: Tổng cục thống kê, tính toán của tác giả

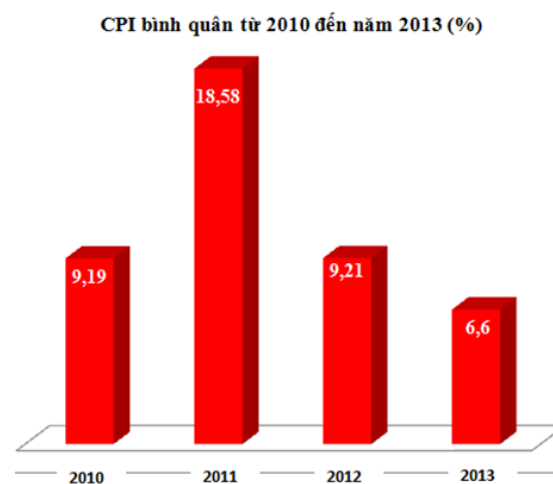
Bảng 1 cho thấy: Số lao động đang làm việc năm 2013 tăng so với năm 2012 (tăng 1,35%). Kết quả này cho thấy, cơ chế thị trường đã tạo cho người lao động năng động, linh hoạt trong việc tìm kiếm việc làm, sự nỗ lực của các cơ sở sản xuất kinh doanh, sự hỗ trợ của nhà nước. Cơ cấu lao động đang làm việc theo loại hình kinh tế và theo ngành kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Khu vực ngoài nhà nước thu hút nhiều lao động, chiếm tỷ trọng cao nhất trong ba khu vực và tiếp tục tăng lên. Cơ cấu lao động trong nhóm ngành kinh tế có sự chuyển dịch, tỷ trọng lao động làm việc trong ngành Nông, Lâm – Thủy sản tiếp tục giảm xuống, nhóm ngành Công nghiệp và Dịch vụ tăng lên.

Năng suất lao động năm 2013 khá hơn năm 2012, nhóm ngành công nghiệp và dịch vụ có năng suất lao động cao hơn nhiều so với nhóm ngành nông, lâm – thủy sản. Đây là tín hiệu quan trọng, và cũng là kết quả của việc chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thế nhưng, tỷ trọng lao động đang làm việc trong nhóm ngành công nghiệp – xây dựng liên tục giảm xuống trong năm 2011, 2012 và 2013. Tỷ lệ thất nghiệp tăng lên, năm 2013 là 3,58% so với 3,21% năm 2012. Theo số liệu thống kê, năm 2012 tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo còn rất thấp; tính chung cho số lao động từ 15 tuổi trở lên mới đạt 16,6%, số lao động trong độ tuổi chỉ đạt 17,6%. Cơ cấu ngành nghề đào tạo còn nhiều bất hợp lý, nên tạo ra thất nghiệp có tính cơ cấu nhiều hơn.

Mục tiêu ổn định giá cả trong điều kiện hoạt động của nền kinh tế thị trường. Sự ổn định giá

thể hiện qua chỉ số giá hàng tiêu dùng (CPI). Lạm phát được thể hiện ở tốc độ tăng giảm giá cả các mặt hàng tiêu dùng. Diễn biến CPI qua các năm thể hiện như sau:



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Biểu đồ trên cho thấy: CPI năm 2013 chỉ tăng 6,6%, thấp hơn mức tăng chỉ số giá cả năm 2010, 2011 và 2012. Diễn biến chỉ số tăng giá năm 2013 có nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là do chi phí đẩy, cầu kéo và tác động của tiền tệ tín dụng. Chỉ số giá nguyên vật liệu dùng cho sản xuất năm 2013 tăng thấp hơn các năm trước. Chỉ số giá bán sản phẩm các mặt hàng nông, lâm – thủy sản năm 2013 tăng 0,57%, chỉ số giá sản phẩm hàng công nghiệp năm 2013 tăng 5,25%.

Năm 2013, tỷ lệ vốn đầu tư phát triển toàn xã hội/GDP đã giảm tương đối so với năm 2012 (31,1% năm 2012 xuống còn 30,4% năm 2013). Giá các mặt hàng tiêu dùng bình quân trong năm giảm xuống làm cho tổng cầu giảm. Vì vậy, lạm phát ít chịu sự tác động do cầu kéo.

Tiền tệ, tín dụng – yếu tố tác động trực tiếp đến lạm phát đã có những biểu hiện thay đổi một cách rõ nét. Lãi suất cho vay đã giảm xuống so với các năm trước. Tốc độ tăng dư nợ tín dụng thấp hơn tốc độ tăng huy động do người dân vẫn lựa chọn kênh gửi tiết kiệm, gửi tiết kiệm bằng nội tệ cao hơn nhiều lần ngoại tệ. Các ngân hàng thương mại chọn kênh mua trái phiếu chính phủ. Lãi suất trái phiếu chính phủ vừa hấp dẫn, vừa bảo đảm an toàn đối với các ngân hàng thương mại. Tỷ giá cơ bản ổn định, lượng ngoại tệ từ các nguồn tăng, nên tình trạng găm giữ ngoại tệ không những không tăng mà còn giảm xuống.

Năm 2013 chỉ số CPI tăng thấp hơn so với các năm trước. Như vậy, việc kiềm chế lạm phát năm 2013 là một thành công. Đây là tín hiệu tốt để tránh lặp lại những biện pháp điều hành mang tính chấp vá, bị động chạy theo diễn biến thực tế. CPI thực tế thấp hơn chỉ tiêu cụ thể đề ra là dưới 8%.

Năm 2013, vừa kiềm chế lạm phát theo mục tiêu, vừa thực hiện được lộ trình giá cả thị trường đối với một số hàng hóa và dịch vụ. Thế nhưng, việc kiềm chế lạm phát năm 2013 cũng còn một số vấn đề đặt ra trong việc ổn định giá cả theo cơ chế thị trường của nền kinh tế.

Một là, CPI năm 2012, năm 2013 thấp hơn so với năm 2010, năm 2011, nhưng vẫn còn cao so với các nước trong khu vực làm cho sức mua của đồng nội tệ giảm xuống nhiều so với những năm trước đây.

Hai là, các giải pháp về tiền tệ, tín dụng đã có hiệu ứng phụ là tăng trưởng kinh tế không đạt được chỉ tiêu đề ra, số lượng doanh nghiệp phá sản và ngừng hoạt động gia tăng (năm 2013 là 61,7 nghìn doanh nghiệp). Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm gia tăng ở cả thành thị và nông thôn.

Ba là, lạm phát được kiềm chế nhưng tổng cầu thấp và kéo dài làm hạn chế động lực cho nền kinh tế tăng trưởng.

Bốn là, yếu tố tiềm ẩn của lạm phát là hiệu quả đầu tư công và năng suất lao động, những yếu tố này năm 2013 có được cải thiện, nhưng còn rất mờ nhạt, chưa có tác động nhiều của khoa học và công nghệ đối với tăng trưởng.

Mục tiêu kinh tế vĩ mô là cân bằng xuất – nhập khẩu. Qua 4 năm thực hiện: Xuất khẩu giữ nhịp độ tăng cao, nhập khẩu được quản lý theo chiều hướng tích cực, cán cân thương mại hướng tới cân bằng, năm 2012, 2013 liên tiếp tạo ra được thặng dư thương mại.

Bảng 2. Kim ngạch xuất nhập khẩu, nhập siêu và tỷ lệ nhập siêu qua các năm

Năm	Xuất khẩu (triệu USD)	Tốc độ tăng XK (%)	Nhập khẩu (triệu USD)	Tốc độ tăng NK (%)	Nhập siêu (triệu USD)	Tỷ lệ nhập siêu so với XK (%)
2010	71.629,0	26,4	84.801,2	21,2	12.609,3	17,5
2011	96.905,7	34,2	106.749,9	25,8	9.844,2	10,2
2012	114.529,2	18,2	113.780,4	6,6	-748,8	-0,7
2013	132.134,9	15,4	132.125,5	16,1	-9,4	-0,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2014

Bảng trên cho thấy, xuất khẩu đã có những điểm sáng trong cán cân thương mại của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng cao, trong ba năm 2011, 2012, 2013 với tốc độ tăng liên tục khoảng

30%/năm. Quy mô xuất khẩu của một số thành viên trụ cột năm 2013 lập mốc 5 tỷ, 10 tỷ và 20 tỷ USD.

Nhập khẩu trong bốn năm qua vẫn tăng, nhưng tốc độ tăng thấp hơn tốc độ tăng xuất khẩu. Cơ cấu hàng nhập khẩu tiếp tục được cải biến theo hướng phục vụ cho quá trình sản xuất tiếp theo, nhằm phục hồi những ngành sản xuất quan trọng cho xuất khẩu và phục vụ dân sinh. Nhóm mặt hàng tiêu dùng cao cấp được kiểm soát và hạn chế nhập khẩu.

Tình trạng nhập siêu đã có sự thay đổi ngược chiều, năm 2011 nhập siêu 9,8 tỷ USD. Năm 2012, cán cân thương mại đảo chiều bằng xuất siêu đạt 750 triệu USD. Năm 2013 tiếp tục xuất siêu đạt 860 triệu USD. Hoạt động xúc tiến thương mại được đẩy mạnh, tạo ra nguồn lực, khơi dậy các tiềm năng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản xuất hàng xuất khẩu, đổi mới cơ chế, điều hành linh hoạt, năng động của các doanh nghiệp, xuất – nhập khẩu vẫn giành được những kết quả đáng khích lệ, tạo nền tảng cho việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh doanh xuất - nhập khẩu trong hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Thế nhưng, chất lượng tăng trưởng xuất khẩu còn thấp, cơ cấu hàng xuất khẩu chuyển dịch chậm, hàm lượng giá trị gia tăng trong các mặt hàng xuất khẩu vẫn chiếm tỷ trọng thấp. Một số doanh nghiệp còn khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn, chưa mạnh dạn đầu tư, đổi mới sản xuất, tiếp cận thị trường.

3. Triển vọng năm 2014

Mục tiêu kinh tế năm 2014 là phải giữ vững sự ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, tăng trưởng cao hơn năm 2013, vừa phải đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Tăng trưởng kinh tế theo mục tiêu năm 2014 là 5,8%. Kỳ vọng mục tiêu này sẽ được thực hiện, với tác động của nhiều yếu tố. Vấn đề quan trọng là nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, giảm áp lực các điểm nghẽn đang cản trở sự tăng trưởng. Nếu đạt được mục tiêu tăng trưởng, giá cả ổn định, tỷ giá ổn định và giao động ở mức trên dưới

1%, thì GDP bình quân đầu người tính theo USD năm 2014 sẽ vượt 2.100USD.

Để thực hiện mục tiêu kinh tế năm 2014, cần phải có động lực mới và những đột phá có tính quyết liệt. Động lực mới và đột phá có tính quyết liệt là cải cách thể chế, đổi mới tư duy. Thông điệp đầu năm của Thủ tướng Chính phủ đã phác họa những điểm mấu chốt của cải cách thể chế là mở rộng dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng và phát triển nông thôn mới.

Mở rộng dân chủ là dân chủ hóa để người dân có quyền làm tất cả những gì pháp luật không cấm và sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mở rộng dân chủ để người dân tham gia diệt trừ tham nhũng.

Xây dựng nhà nước pháp quyền, phải là nhà nước kiến tạo cho sự ổn định và phát triển, thực hiện tốt chức năng kinh tế của nhà nước trong nền kinh tế thị trường, tập trung xây dựng khuôn khổ thể chế, tạo hành lang pháp lý cho các chủ thể hoạt động kinh doanh một cách bình đẳng và cạnh tranh trong nền kinh tế. Kiểm soát chặt chẽ và xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp. Bộ máy nhà nước phải tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, kỷ cương, trong sạch, vững mạnh.

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường là phải tôn trọng đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường; đồng thời cần phải sử dụng một cách có hiệu quả các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là phải kết hợp một cách chặt chẽ chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để điều tiết một cách có hiệu quả nền kinh tế, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng GDP. Khắc phục những khuyết tật, tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm tính cạnh tranh bình đẳng, giảm bớt sự bất bình đẳng trong xã hội. Thực hiện một cách mạnh mẽ tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước.

Phải coi trọng việc đổi mới cơ cấu nông nghiệp và phát triển nông thôn. Công nghiệp hóa, hiện

đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn mới là bước đi xuyên suốt trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 2014 tạo việc làm cho khoảng 1,6 triệu người lao động; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 52%. Thị trường lao động sẽ phát triển theo xu hướng hạn chế về số lượng, tăng yêu cầu chất lượng trình độ. Xu hướng tuyển dụng lao động phổ thông sẽ giảm nhiều về số lượng. Nhu cầu tuyển dụng lao động có chất lượng và quản lý cấp cao cho một số doanh nghiệp sẽ xuất hiện nhiều hơn.

Để giải quyết việc làm cho người lao động cần phải thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân; khu vực này, đặc biệt là nông nghiệp và khu vực phi chính thức giữ vai trò chính trong việc tạo ra nơi làm việc cho người lao động (chiếm 86% số việc làm); đồng thời phát triển nhanh ngành dịch vụ là ngành đóng vai trò quan trọng đối với tạo việc làm trong nền kinh tế.

Lạm phát năm 2013 được kiềm chế. Mục tiêu tổng quát của năm 2014 là “kiểm soát lạm phát”. Tuy nhiên, việc thực hiện cũng không dễ dàng. Các yếu tố gây ra lạm phát là chi phí đẩy, cầu kéo và sự nới lỏng tiền tệ và tài khóa là những tiềm ẩn và cũng là nguyên nhân sâu sa của lạm phát. Trong khi muốn có tăng trưởng cao phải đẩy mạnh kích cầu, tăng chi tiêu của chính phủ, giảm thuế và tăng lượng cung ứng tiền tệ.

Năm 2014, với dự báo kinh tế thế giới vẫn trên đà phục hồi chậm. Vì vậy, cần phải tạo lập được những thế và lực mới. Tăng trưởng xuất khẩu theo định hướng chuyển dịch mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu; kiểm soát nhập khẩu nhưng không vi phạm với những định chế của thương mại quốc tế (WTO), tạo cân bằng giữa xuất khẩu và nhập khẩu một cách ổn định và vững chắc. Đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị gia tăng cao, giảm tỷ trọng hàng xuất khẩu là nguyên liệu thô và sơ chế, đảm bảo mức tăng trưởng khoảng 10% so với năm 2013.

Việc điều hành nhập khẩu phải mang tính chủ động, điều chỉnh mức tăng trưởng nhập khẩu theo tình hình phát triển của nền kinh tế, phát triển công nghiệp hỗ trợ. Kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu các mặt hàng không khuyến khích, các mặt hàng hạn chế theo danh mục. Trong cơ cấu hàng nhập khẩu, nhóm hàng cần nhập khẩu là những hàng hóa đầu vào của sản xuất, do đó cần phải tạo thuận lợi cho nhập khẩu để ổn định sản xuất.

Việt Nam là một nền kinh tế đang phát triển, việc tham gia thương mại quốc tế không tránh khỏi tình trạng nhập siêu. Để giảm nhập siêu, tạo sự cân bằng trong cán cân thương mại quốc tế, xuất khẩu phải duy trì nhịp độ phát triển cao, đa dạng thị trường, tập trung vào các thị trường đang nhập siêu lớn và các thị trường đang xuất siêu cao; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu, giảm nhập siêu một cách tích cực.

4. Kết luận và Kiến nghị

❖ Kết luận

Sự trình bày, phân tích và đánh giá ở trên cho thấy các mục tiêu của kinh tế vĩ mô ở Việt Nam đã có những thay đổi tương đối nhanh trong năm 2011, 2012 và 2013, chuyển từ sự tăng trưởng nóng với lạm phát cao và thâm hụt thương mại sang lạm phát vừa phải và tạo ra được thặng dư thương mại, song với cái giá phải trả là nền kinh tế có dấu hiệu đình trệ, suy giảm.

Tăng trưởng và phát triển kinh tế luôn là mục tiêu quan trọng đối với nền kinh tế. Phát triển kinh tế bao gồm nhiều tiêu chí; trong đó, tăng trưởng kinh tế đóng vai trò quan trọng và là cần thiết nhất cho sự phát triển. Tăng trưởng kinh tế chỉ duy trì được trong dài hạn nếu tạo dựng được những động lực phù hợp để khuyến khích nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp qua sự tiến bộ công nghệ, kỹ năng lao động và tri thức của người lao động.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ở nước ta trong thời gian qua cũng tương đối cao và liên tục, mặc dù trong những năm 2011, 2012 và 2013 giảm

xuống. Thế nhưng, tăng trưởng kinh tế của nước ta vẫn chủ yếu dựa vào mức tăng các yếu tố đầu vào là vốn, lao động và nguồn tài nguyên. Vai trò của tăng năng suất lao động và năng suất của các nhân tố tổng hợp còn mờ nhạt.

Những hệ lụy về sự bất ổn kinh tế vĩ mô đi kèm với mô hình tăng trưởng theo chiều rộng trong những năm qua đã đặt ra yêu cầu cần phải nhanh chóng cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu và cấu trúc lại nền kinh tế chỉ có thể thực hiện khi giữ được sự ổn định kinh tế vĩ mô, đi đôi với việc cải cách một cách triệt để hệ thống tài chính – ngân hàng, doanh nghiệp nhà nước, chính sách thương mại, khu vực kinh tế tư nhân, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực của nền kinh tế. Đây được xem là nền tảng cho sự tăng trưởng mới và cơ cấu lại nền kinh tế để nền kinh tế có tính cạnh tranh cao và phát triển bền vững trong dài hạn.

❖ Kiến nghị

Để đạt được những mục tiêu kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn (năm 2014) cần phải tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, với trọng tâm là đầu tư công, hệ thống ngân hàng và doanh nghiệp nhà nước để chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ tăng trưởng theo chiều rộng chủ yếu là gia tăng các yếu tố đầu vào sang tăng trưởng theo chiều sâu dựa trên năng suất của các nhân tố tổng hợp, chủ yếu là đổi mới công nghệ và nâng cao kỹ năng của người lao động, đảm bảo sự phát triển bền vững cho nền kinh tế.

Lạm phát thực tế và kỳ vọng đã giảm xuống đáng kể; để ổn định giá cả, chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa cần phải kết hợp một cách chặt chẽ, thực thi một cách linh hoạt hơn nữa để

hỗ trợ cho các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nhằm duy trì việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Tiếp tục các doanh nghiệp xuất khẩu vay ngoại tệ để có thể tiếp cận với nguồn vốn giá rẻ, tạo nguồn ngoại tệ để trả nợ.

Cần đưa việc giám sát một cách chặt chẽ những kết quả chính của thị trường lao động như thất nghiệp, thiếu việc làm, tiền lương v.v...trở thành cấu phần hữu cơ của việc hoạch định và thực thi chính sách việc làm cho người lao động.

Tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất các mặt hàng xuất khẩu, tạo nguồn hàng vững chắc cho xuất khẩu, giá cả cạnh tranh, tăng cường hiệu quả của xuất khẩu.

Xây dựng đội ngũ những nhà xuất khẩu mạnh, có uy tín. Xây dựng cơ chế thúc đẩy liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm đối với các mặt hàng xuất khẩu, trước hết là đối với các mặt hàng chủ lực. Hoàn thành việc xây dựng cơ chế hàng hóa xuất khẩu để kiểm tra chất lượng, quy cách kỹ thuật, an toàn thực phẩm khi thông quan, để nâng cao uy tín của hàng Việt Nam; dựng hàng rào kỹ thuật kiểm soát hàng hóa nhập khẩu vào nước ta nhưng không trái với định chế quốc tế. Nâng cao trình độ nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ hải quan. Khuyến khích các dự án dùng vật tư nội địa. Chấm dứt việc nhập khẩu những thiết bị, công nghệ lạc hậu. Hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng, các mặt hàng không khuyến khích. Phát triển công nghiệp phụ trợ cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu. Vận dụng đồng bộ các tác động của tài chính, tiền tệ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong việc quản lý và điều hành xuất khẩu và nhập khẩu. Nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả của xúc tiến thương mại quốc gia, hướng vào các thị trường tiềm năng. Xây dựng thương hiệu những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trên thương trường quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ lao động thương binh và xã hội (2014), *Báo cáo tình hình việc làm và thất nghiệp 2013*
- [2]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020*, NXB Chính Trị Quốc gia
- [3]. Thời báo Kinh tế Việt Nam (2014): Kinh tế 2013 – 2014: Việt Nam và Thế giới
- [4]. Tổng cục thống kê (2013): Niên giám thống kê 2012, NXB Thống kê
- [5]. Ủy ban kinh tế của Quốc hội, Viện khoa học xã hội Việt Nam, UNDP (tháng 5/2012), *Kinh tế Việt Nam năm 2012: Khởi động mạnh mẽ quá trình tái cơ cấu nền kinh tế.*